

Bản án số: 76/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 29/9/2017

*“V/v TrQ.A chấp ly hôn
và nuôi con chung”*

**NHÂN DQ.A
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG - TỈNH BẠC LIÊU**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Đang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Lâm Tài.

2. Bà Nguyễn Hồng Lành.

Thư ký Tòa án: Ông Ngô Văn Trường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long: Bà Đoàn Vũ Loan – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 128/2017/TLST – HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2017, về việc: *“TrQ.A chấp ly hôn và nuôi con chung”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 159/2017/QĐXX-ST ngày 30 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 123/2017/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn T.D** - sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp M, xã H, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Q.A **Chữ K.D** - sinh năm 1970.

Địa chỉ: Ấp M, xã H, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh **Chữ D.T** - sinh năm 1987.

Địa chỉ: đường M, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Chị T.D có mặt tại phiên tòa. Anh K.D đã bị tuyên bố mất tích. Anh D.T được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 6 năm 2017 và các lời khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị T.D trình bày và yêu cầu:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh K.D sống chung được 14 năm, không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Chị và anh K.D ly thân hơn hai năm, anh K.D đã bỏ nhà và địa phương đi hơn hai năm, chị T.D đã yêu cầu Tòa án tuyên bố anh K.D bị mất tích và Tòa án cũng đã tuyên bố anh K.D bị mất tích. Chị T.D xác định không còn tình cảm với anh K.D nên yêu cầu được ly hôn anh K.D.

- Về con: Trong thời gian chung sống chị T.D và anh K.D có hai con chung, cháu Chử D.L sinh ngày 15 tháng 10 năm 2003, chị T.D đã cho cháu L làm con nuôi của anh Chử D.T là chú ruột của cháu L, con thứ hai là cháu Chử Q.A sinh ngày 29 tháng 5 năm 2009, cháu Q.A đang sống chung chị T.D. Chị T.D yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Q.A và đồng ý anh D.T tiếp tục nuôi cháu L.

- Về tài sản và nợ: Chị T.D xác định chị và anh K.D không có tài sản chung và không có nợ chung, nên chị T.D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Anh Chử K.D đã mất tích nên Tòa án không triệu tập và làm việc được.

* Anh Chử D.T được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

* ***Tại phiên tòa:***

- Chị T.D giữ nguyên yêu cầu và ý kiến đã trình bày.

- Anh Chử D.T vắng mặt nhưng cung cấp bản tự khai, đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bản sao giấy chứng minh nhân dân, bản sao sổ hộ khẩu của anh Chử D.T và bản sao đơn xin xác nhận cho con nuôi.

- Chị T.D thống nhất nội dung các tài liệu, chứng cứ anh Chử D.T cung cấp.

* ***Ý kiến của Kiểm sát viên:***

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán kể từ khi thụ lý vụ án đến khi ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Đối với Hội đồng xét xử tính từ thời điểm bắt đầu phiên tòa cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên thẩm phán vi phạm khoản 2 Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại khoản 15 và 16 Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn T.D và anh Chử K.D.

+ Về con chung: Giao cháu Chử Q.A sinh ngày 29/5/2009 cho chị T.D nuôi, giao cháu Chử K.D L sinh ngày 25/10/2003 cho anh Chử D.T tiếp tục nuôi.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Đang sự không yêu cầu, không đặt ra xem xét giải quyết.

*** Các tình tiết của vụ án:**

- Chị T.D và anh K.D sống chung như vợ chồng, không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

- Anh K.D đã bị Tòa án tuyên bố mất tích.

- Chị T.D và anh K.D có hai con là cháu Chử Chử D.L sinh ngày 15 tháng 10 năm 2003 đang sống chung và làm con nuôi của anh Chử D.T, chị T.D đồng ý để cháu L tiếp tục sống chung anh Chử D.T, con thứ hai là cháu Chử Q.A sinh ngày 29 tháng 5 năm 2009 đang sống chung chị T.D.

- Chị T.D và anh K.D không có tài sản chung và không có nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án dân sự: Chị T.D yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh K.D, được Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý - giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Do anh Chử K.D bị tuyên bố mất tích, anh Chử D.T có đơn yêu cầu được vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh K.D và anh D.T trong vụ án này.

[3] Xét yêu cầu của chị T.D về hôn nhân: Chị T.D và anh K.D tự nguyện sống chung như vợ chồng, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, đây là hôn nhân không hợp pháp. Nay chị T.D yêu cầu ly hôn anh K.D, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T.D và anh K.D.

[4] Xét về con chung:

- Chị T.D xác định chị và anh K.D có hai con chung, khi chị T.D và anh K.D còn chung sống Q.A chị có làm đơn xin xác nhận về việc cho con là cháu Chử K.D L để anh Chử D.T nhận làm con nuôi. Trong đơn xin xác nhận có chữ ký của chị T.D, anh K.D và có xác nhận của Phó Trưởng ấp I và xác nhận của UBND xã H Nay anh K.D bị tuyên bố mất tích, chị T.D vẫn đồng ý giao cháu L cho anh D.T

nuôi, anh D.T cũng đồng ý tiếp tục nuôi cháu L. Nên Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu L cho anh D.T nuôi.

- Chị T.D yêu cầu được nuôi cháu Chử Q.A, cháu Q.A cũng có nguyện vọng được sống chung chị T.D, nên Hội đồng xét xử giao cháu Q.A cho chị T.D tiếp tục nuôi.

[5] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Do chị T.D xác định chị và anh K.D không có tài sản chung và không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí trong vụ án: Chị T.D phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[7] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về thủ tục tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án là đúng, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo và Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 244, 246, 271, 273, 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 9, 14, 53, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình được sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn T.D và anh Chử K.D.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Chử Q.A sinh ngày 29 tháng 5 năm 2009 cho chị T.D tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Giao cháu Chử K.D L sinh ngày 15/10/2003 cho anh Chử D.T nuôi.

3 Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Do chị T.D xác định chị và anh K.D không có tài sản chung và không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Buộc chị T.D phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ. Chị T.D đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ tại biên lai thu tạm ứng

án phí, lệ phí Tòa án số: 0009902 ngày 26 tháng 6 năm 2017, được chuyển thu án phí 300.000đ.

“Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết Bản án. Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị Bản án theo quy định của pháp luật./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận

- VKSND huyện Phước Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phan Thị Đang